



Liên kết Doanh nhân Việt

PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

CHI NHÁNH TẠI TP. HCM

TẬN DỤNG ƯU ĐÃI THUẾ QUAN PHỔ CẬP GSP KHI XUẤT KHẨU VÀO EU

Tp. HCM, ngày 5 tháng 7 năm 2013



Trình bày bởi Nguyễn Hữu Nam



**CÁC NỘI
DUNG CHÍNH**

(A)
**Các điểm
chính về quy
tắc xuất xứ
ưu đãi GSP
của EU**

và

(B)
**Làm thế nào
để áp dụng
có hiệu quả
quy định
xuất xứ GSP
của EU?**

A. CÁC ĐIỂM CHÍNH VỀ QUY TẮC XUẤT XỨ GSP CỦA EU

Để được hưởng ưu đãi thuế quan thuế quan phổ cập GSP của EU, có 3 điều kiện sau phải được đáp ứng:

1

Hàng hóa phải đáp ứng đầy đủ các quy tắc xuất xứ ưu đãi GSP của EU;

2

Hàng hóa phải được vận chuyển thẳng từ nước thụ hưởng đến EU; và

3

Cung cấp bằng chứng về xuất xứ hàng hóa phù hợp của quốc gia thụ hưởng

I. Các sản phẩm sau được xem là có xuất xứ tại nước thụ hưởng (Điều 72):

1. Sản phẩm có xuất xứ thuần túy (xuất xứ toàn bộ) (Điều 75):

Các sản phẩm sau được xét là có xuất xứ thuần túy tại nước thụ hưởng:

- (a) Khoáng sản được khai thác từ lòng đất hay từ đáy biển của nước đó;**
- (b) Thực vật và các loại rau được trồng hoặc thu hoạch ở đó;**
- (c) Động vật sống được sinh ra và được nuôi ở đó;**
- (d) Các sản phẩm từ động vật sống được nuôi ở đó;**
- (e) Các sản phẩm từ động vật giết mổ được sinh ra và được nuôi ở đó;**
- (f) Sản phẩm thu được từ việc săn bắn hoặc đánh bắt ở đó;**

~~(g) Sản phẩm nuôi trồng thủy sản nơi mà cá, động vật giáp xác, động vật thân mềm được sinh ra và nuôi ở đó;~~

(h) Hải sản và các sản phẩm khác được đánh bắt và lấy từ vùng lãnh hải ngoài lãnh thổ nước thụ hưởng bởi tàu của nước đó;

(i) Các sản phẩm được làm trên boong tàu từ các sản phẩm nêu tại điểm (h);

(j) Các vật chất đã sử dụng được thu gom ở đó chỉ phù hợp cho việc thu hồi để tái chế;

(k) Các phế phẩm, phế liệu được thu gom trong quá trình sản xuất;

(l) Các sản phẩm được khai thác từ đáy biển hoặc dưới đáy biển nằm ngoài lãnh hải của nước đó nhưng có đặc quyền khai thác;

(m) Hàng hóa được sản xuất từ điểm (a) tới (l).

2. Sản phẩm có xuất xứ không thuần túy (Điều 76):

2.1. Các hoạt động và chế biến sau, bao gồm cả sự kết hợp các công đoạn chế biến dưới đây sẽ được xem là không đầy đủ, không được xét đến xuất xứ hàng hóa ngay cả khi hàng hóa đáp ứng các tiêu chí về xuất xứ (Điều 78):

(a) Các hoạt động bảo quản hàng hóa để đảm bảo hàng hóa được bảo quản trong điều kiện tốt trong suốt quá trình vận chuyển và lưu trữ;

(b) Tháo và lắp các kiện hàng;

(c) Rửa, làm sạch, loại bỏ bụi, oxit, dầu, sơn, hoặc các chất phủ khác;

~~(d) Ủi hoặc là các sản phẩm dệt may;~~

(e) Cộng đoạn sơn và đánh bóng đơn giản;

(f) Xay xát một phần hoặc toàn bộ gạo; làm bóng các sản phẩm ngũ cốc và gạo;

(g) Các hoạt động làm màu hoặc làm hương vị hoặc cho đường hoặc tạo thành đường cục; nghiền một phần hoặc toàn bộ đường tinh;

(h) Bóc vỏ, lấy hạt các loại hoa quả, các loại hạt, rau quả;

(i) Mài sắc, mài hoặc cắt đơn giản;

(j) Chọn, sàng lọc, phân loại, kết hợp (bao gồm việc tạo nên các bộ sản phẩm);

~~(k) Đóng gói đơn giản vào chai, lon, bình, túi, hộp, gấn thẻ hay các băng hướng dẫn và tất cả các hoạt động đóng gói đơn giản khác;~~

(l) Dán hoặc in nhãn hiệu, logo và các loại tương tự khác như các ký hiệu phân biệt trên sản phẩm hoặc bao bì đóng gói của sản phẩm;

(m) Pha trộn đơn giản các sản phẩm, có hoặc không có các loại khác nhau, trộn đường với bất kỳ nguyên liệu nào khác;

(n) Pha thêm nước đơn giản hoặc pha loãng hoặc khử nước hoặc làm thay đổi đơn giản đặc tính tự nhiên của sản phẩm;

(o) Lắp ráp đơn giản các bộ phận của sản phẩm để thành sản phẩm hoàn chỉnh hoặc tháo các sản phẩm thành từng bộ phận;

(p) Kết hợp hai hoặc nhiều hoạt động ghi trong điểm (a) tới (o);

(q) Giết, mổ động vật.

2.2. Công đoạn chế biến đầy đủ (Điều 76):

Sản phẩm không có xuất xứ thuần túy tại nước thụ hưởng theo Điều 75 được xem là có xuất xứ, với điều kiện sản phẩm đó phải đáp ứng đầy đủ quy định tại Annex 13a.

Trích dẫn Annex 13a

LIST OF PRODUCTS AND WORKING OR PROCESSING OPERATIONS WHICH CONFER ORIGINATING STATUS

Harmonized System heading	Description of product	Qualifying operation (Working or processing, carried out on non-originating materials, which confers originating status)
(1)	(2)	(3)
Chapter 1	Live animals	All the animals of Chapter 1 are wholly obtained
Chapter 2	Meat and edible meat offal	Manufacture in which all the meat and edible meat offal in the products of this chapter is wholly obtained
ex Chapter 3	Fish and crustaceans, molluscs and other aquatic invertebrates, except for:	All fish and crustaceans, molluscs and other aquatic invertebrates are wholly obtained

Sản phẩm có xuất xứ không thuần túy được sản xuất hay chế biến đầy đủ tại quốc gia thụ hưởng với điều kiện sản phẩm đó đáp ứng 1 hoặc nhiều hơn trong 3 tiêu chí được quy định cụ thể sau:

①

**Tiêu chí
“Chuyển
đổi mã số
hàng hóa”**

②

**Tiêu chí
“Trị giá
hoặc theo
giá trị”**

③

**Tiêu chí
“Công đoạn
chế biến cụ
thể”**

Các tiêu chí trên được hiểu như thế nào?

① Tiêu chí “Thay đổi mã số hàng hóa” có nghĩa là hàng hóa được coi là sản xuất hoặc chế biến đầy đủ khi hàng hóa đó được phân loại ở cấp 4 số (Danh mục HS) khác với HS của các nguyên vật liệu không có xuất xứ được sử dụng trong sản xuất hoặc chế biến ra sản phẩm.

② Tiêu chí “Trị giá hoặc theo giá trị” có nghĩa là trị giá nguyên vật liệu không có xuất xứ được sử dụng để sản xuất ra sản phẩm không vượt quá số phần trăm được quy định so với giá xuất xưởng của sản phẩm.

Công thức áp dụng đối với tiêu chí “Trị hoặc hoặc theo giá trị”

Trị giá nguyên vật liệu không có xuất xứ

$$\frac{\text{Trị giá nguyên vật liệu không có xuất xứ}}{\text{Giá xuất xưởng}} \times 100\% \leq X\%$$

③ Tiêu chí “Công đoạn chế biến cụ thể” là các công đoạn chế biến được quy định cụ thể đối với các nguyên vật liệu không có xuất xứ được sử dụng để sản xuất ra sản phẩm.

H. Làm thế nào để tận dụng quy định về cộng gộp?

1. Cộng gộp song phương (Điều 84)

Nguyên vật liệu có xuất xứ tại EU (Na Uy, Thụy Sĩ, hoặc Thổ Nhĩ Kỳ) được coi là hàm lượng của “quốc gia cho hưởng” theo quy định xuất xứ GSP của EU sẽ được sản xuất tiếp theo tại nước thụ hưởng sẽ được coi là có xuất xứ tại nước thụ hưởng.

Quy định này cũng được áp dụng đối với các nguyên vật liệu có xuất xứ tại Na Uy, Thụy Sĩ, hoặc Thổ Nhĩ Kỳ.

2. Cộng gộp khu vực (Điều 86 (1) – (6), (9))

Nguyên vật liệu có xuất xứ tại một quốc gia thành viên trong khu vực (ASEAN) được NK để sản xuất tiếp theo tại nước thụ hưởng khác trong cùng một khu vực sản xuất hoặc chế biến hàng hóa tại quốc gia thành viên khác trong nhóm khu vực sẽ được coi là có xuất xứ của quốc gia sau đó.

Quy định này được áp dụng giữa các quốc gia trong ASEAN: Brunei-Darussalam, Cambodia, Indonesia, Laos, Malaysia, Philippines, Singapore, Thailand, Vietnam.

Lưu ý: EU tạm thời không cho Myanmar hưởng ưu đãi thuế quan GSP của EU nên không được áp dụng quy định này.

III. Có quy định nới lỏng được áp dụng đối với quy định xuất xứ?

1. Quy định vi phạm cho phép (dung sai) (Điều 79)

Nguyên vật liệu không có xuất xứ có thể được sử dụng trong sản xuất ra sản phẩm cụ thể ngay cả khi danh mục quy định chế biến đầy đủ không được đáp ứng, với điều kiện tổng trị giá/trọng lượng nguyên vật liệu đó không vượt quá:

a

15% trọng lượng của sản phẩm đối với các sản phẩm thuộc chương 2 và 4 đến 24, khác với sản phẩm thủy sản chế biến thuộc chương 16

b

15% giá xuất xưởng của sản phẩm đối với các sản phẩm khác, ngoại trừ sản phẩm thuộc chương 50-63 (dệt may)

c

8% giá xuất xưởng của sản phẩm đối với các sản phẩm thuộc chương 50-63 (dệt may).
(Note 7, Annex 13a)

d

10% hoặc 20% hoặc 30% tổng trọng lượng của nguyên vật liệu dệt may pha trộn
(Note 6, Annex 13a)

2. Đối với bộ sản phẩm (Điều 82)

Thông thường, bộ sản phẩm là các sản phẩm có xuất xứ khi các chi tiết cấu thành bộ sản phẩm có xuất xứ. Tuy nhiên, bộ sản phẩm được cấu thành từ các chi tiết có xuất xứ và không có xuất xứ, cả bộ sản phẩm đó vẫn được coi là có xuất xứ với điều kiện trị giá của chi tiết không có xuất xứ đó không vượt quá 15% trị giá xuất xưởng của bộ sản phẩm đó.

B. ÁP DỤNG CÓ HIỆU QUẢ CÁC QUY ĐỊNH VỀ XUẤT XỨ NHƯ THẾ NÀO?

I. Làm sao để kiểm tra sản phẩm đáp ứng quy định xuất xứ?

Bước 1:

Kiểm tra xem sản phẩm có xuất xứ thuần túy hay không (Điều 75). Nếu không, chuyển sang bước 2.

Bước 2:

Kiểm tra 4 số HS của sản phẩm sẽ được xuất khẩu. Nếu nghi ngờ về HS của sản phẩm, hãy hỏi cơ quan hải quan hoặc cơ quan cấp phát C/O.

Bước 3:

Kiểm tra xem sản phẩm xuất khẩu có thuộc danh mục các công đoạn chế biến đơn giản (không đầy đủ) được quy định tại Điều 78 hay không. Nếu có, sản phẩm đó sẽ không có xuất xứ. Nếu không, chuyển tiếp sang bước 4.

Bước 4:

Đối chiếu Annex 13a và xác định quy định áp dụng cho sản phẩm xuất khẩu. Đọc kỹ và hiểu rõ quy định và ghi chú kèm theo để áp dụng.

Bước 5:

Kiểm tra xem sản phẩm có đáp ứng quy định có liên quan tại danh mục trong Annex 13b (Nguyên vật liệu bị loại trừ cộng gộp khu vực)

★ Luôn lưu ý các điều khoản đặc biệt để áp dụng:

- ☞ Quy định vi phạm cho phép đối với các nguyên vật liệu hoặc bộ phận không có xuất xứ (Điều 79)**
- ☞ Quy định cộng gộp song phương áp dụng cho nguyên vật liệu có xuất xứ từ EU (hoặc Na Uy, Thụy Sĩ hoặc Thổ Nhĩ Kỳ) (Điều 85)**
- ☞ Cộng gộp khu vực (Điều 86)**

II. Cách khai C/O form A như thế nào?

Giấy chứng nhận xuất xứ Form A phải được khai bằng tiếng Anh hoặc tiếng Pháp. Nếu Form A được khai bằng tay, hãy sử dụng mực và viết chữ in hoa.

Ô 1 – *Người gửi hàng*

Khai tên và địa chỉ, quốc gia của nhà xuất khẩu.

Ô 2 – *Người nhận hàng*

Việc khai báo trên ô này là tùy chọn, nhưng nên khai tên và địa chỉ của người nhận hàng nếu biết. Đối với hàng xuất khẩu sang EU để dự triển lãm, hãy khai tên và địa chỉ nơi triển lãm.

Ô 3 – Chi tiết về vận tải

Ô này cần phải được khai báo đầy đủ dựa vào các thông tin sẵn có. Nếu không có chi tiết về vận tải, có thể bỏ trống ô này.

Ô 4 – Dành cho cơ quan chức năng

Ô này được dành cho nhà cấp phát sử dụng.

Ô 5 – Số mặt hàng

Nếu các mặt hàng khác như thể hiện trên hóa đơn thương mại, hãy khai từng loại riêng biệt theo từng loại hàng cụ thể trên Form A và ghi rõ từng mục (1, 2, 3, vv) tương ứng với hóa đơn thương mại để kiểm tra nếu cần thiết.

Ô 6 – Ký số mã hiệu

Khai ký số mã hiệu nhận dạng mà nó thể hiện trên bao bì đóng gói nếu bao bì đóng gói thể hiện tên, địa chỉ, quốc gia của người nhận hàng. Nếu bao bì không có ký mã hiệu gì, hãy khai ‘No marks and numbers’. Nếu sản phẩm có xuất xứ và không có xuất xứ được đóng gói chung, hãy ghi ‘Part contents only’ vào cuối mỗi mục.

Ô 7 - Số và loại kiện hàng, mô tả hàng hóa

Ô 8 - Tiêu chí xuất xứ

Ô này để thông báo cho hải quan EU biết về quy định xuất xứ được áp dụng cho hàng hóa trên C/O. Như mô tả về các lưu ý tại mặt sau của Form A, hãy khai P đối với hàng hóa có xuất xứ thuần túy và W và mã số HS kèm theo khi hàng hóa đó đáp ứng các yêu cầu về quy định xuất xứ (Vd: "W" 96.18.). Ma-nơ-canh được áp mã 96.18.

Việc khai báo sai HS của sản phẩm tại ô này có thể bị hải quan EU từ chối Form A.

Ô 9 – Trọng lượng hoặc số lượng khác

Số lượng đơn vị tính hệ mét cần được khai tại ô này (Vd: kg, lít, vv), nhưng các đơn vị tính khác như tấn, pound, gallon cũng được chấp nhận.

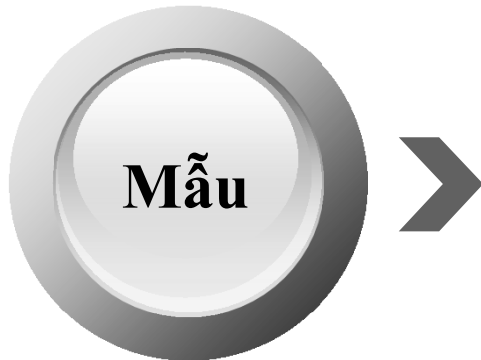
Ô 10 - *Số và ngày hóa đơn thương mại*
Khai chi tiết theo yêu cầu.

Ô 11 – *Xác nhận*
Để trống ô này.

Ô 12 – *Khai báo của nhà xuất khẩu*
Khai tên nước xuất xứ của sản phẩm xuất khẩu. Lưu ý rằng với điều khoản về cộng gộp khu vực, nước xuất xứ của sản phẩm có thể không cùng với nước thực hiện công đoạn cuối cùng sản xuất ra sản phẩm xuất khẩu. Nước nhập khẩu phải được khai là ‘*European Union*’; hoặc cũng có thể khai quốc gia thành viên EU cụ thể.

Certificate of Origin

<p>1. Goods consigned from (Exporter's business name, address, country) ABCD COMPANY LIMITED 123456 VO THI SAU STREET, DIST. 3, HO CHI MINH CITY, VIETNAM TEL: +84-8-12345678 FAX: +84-8-12345679</p>		<p>Reference No. GENERALISED SYSTEM OF PREFERENCES CERTIFICATE OF ORIGIN (Combined declaration and certificate) FORM A</p>			
<p>2. Goods consigned to (Consignee's name, address, country) NIKE EUROPEAN OPERATIONS 1213 NL HIL VERSUM THE NETHERLANDS</p>		<p>Issued in VIETNAM <small>(Country)</small></p> <p>See notes overleaf</p>			
<p>3. Means of transport and route (as far as known) FROM: CAI MEP PORT, VUNG TAU, VIETNAM TO: ROTTERDAM PORT, THE NETHERLANDS VESSEL: MOL COMPETENCE V.023W24 ON BOARD: 28 JULY 2012</p>		<p>4. For official use</p>			
5. Item number	6. Marks and numbers of packages	7. Number and kind of packages; description of goods	8. Origin criterion (see notes overleaf)	9. Gross weight or other quantity	10. Number and date of invoices
		SYNTHETIC BAG BACKPACKS	W 42.02 42.02	200 PCS 1.200 PCS	IV566 27 JUL 2012
		TOTAL: (ONE THOUSAND FOUR HUNDREDS PIECES ONLY)		1.400 PCS	
CUSTOMS DECLARATION FOR EXPORT COMMODITIES NO. 123456 DATED 27 JULY 2012					
/					
<p>11. Certification It is hereby certified, on the basis of control carried out, that the declaration by the exporter is correct.</p> <p>HO CHI MINH CITY, 28 JULY 2012 Place and date, signature and stamp of certifying authority</p>			<p>12. Declaration by the exporter The undersigned hereby declares that the above details and statements are correct; that all the goods were produced in VIETNAM <small>(Country)</small></p> <p>and that they comply with the origin requirements specified for those goods in the Generalised System of Preferences for goods exported to THE NETHERLANDS <small>(importing country)</small></p> <p>HO CHI MINH CITY, 28 JULY 2012 Place and date, signature of authorised signatory</p>		



III. Chúng ta có thể nộp C/O Form A để được cấp tại đâu?

Doanh nghiệp trên địa bàn Tp. HCM và các tỉnh lân cận (C/O Form A cấp cho hàng giấy dép bị loại trừ. Mặt hàng này được cấp tại Bộ Công Thương).

Tổ cấp C/O số 1, 2 và 3

171 Võ Thị Sáu, P. 7, Q. 3, Tp. HCM

ĐT: 08-3932 5989 – 3932 6498 Email: co@vcci-hcm.org.vn

Tổ cấp C/O tại Bình Dương

Lầu 1, Tòa nhà ARECO

Số 1 Trường Sơn (Xa lộ Xuyên Á), An Bình, Dĩ An, Bình Dương

ĐT: 08-37241550 Email: co@vcci-hcm.org.vn

Tổ cấp C/O tại Đồng Nai

Tòa nhà Sonadezi, Số 1 đường 3A, KCN Biên Hòa 2, Đồng Nai

ĐT: 061-3831383 Email: co@vcci-hcm.org.vn

Điểm cấp C/O tại KCX Tân Thuận:

Lầu 2, Tòa nhà Hepza, số 13, Tân Thuận Đông, Q. 7, Tp. HCM

ĐT: 090 779 0989 Email: co@vcci-hcm.org.vn



Cảm ơn sự quan tâm của Quý vị

Nguyễn Hữu Nam

Trưởng phòng Pháp chế

Chi nhánh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tại Tp. HCM (VCCI-HCM)

171 Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. HCM

Mobile: 090 779 0989

Email: huunam@vcci-hcm.org.vn

Web: www.vcci-hcm.org.vn / www.covcci.com.vn